

MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI MIỀN NÚI NƯỚC TA

KHÔNG ĐIỂN

Tũng như nhiều nước khác trên thế giới, các vùng miền núi Việt Nam, địa bàn cư trú của hầu hết các dân tộc thiểu số trong cả nước, đang đứng trước những thách thức về kinh tế - xã hội và môi trường khá gay gắt. Vấn đề đặt ra là làm sao để nâng cao mức sống của người dân, để phát triển và phát triển bền vững mà vẫn bảo tồn được tài nguyên thiên nhiên đồng thời vẫn giữ được bản sắc tộc người, truyền thống văn hoá của họ. ở bài viết này tập trung vào sự tác động giữa tài nguyên rừng và con người thuộc các dân tộc sinh sống ở miền núi Việt Nam.

Lâu nay các nhà khoa học xã hội, trong đó có dân tộc học nghiên cứu về con người về xã hội của các tộc người còn ít chú ý đến môi trường tự nhiên nơi người dân các dân tộc đang hàng ngày hàng giờ sinh sống và làm việc. Ngược lại trong nhiều chương trình nghiên cứu về môi trường về tài nguyên, kể cả những chương trình dự án có qui mô lớn cũng ít nhạy cảm về sự quan tâm cần thiết với các khía cạnh xã hội, văn hoá của các cư dân địa phương, hay nói cách khác, các nhà khoa học xã hội, nhân văn ít có điều kiện tham gia các chương trình trên.

Những yếu tố liên quan đến việc hạn chế sự kết hợp đó lại có cả các yếu tố từ bên ngoài. Các nhà đầu tư, các tổ chức, các quỹ của một số nước hoặc của quốc tế trong các chương trình tài trợ cho Việt Nam về vấn đề môi trường lại có khuynh hướng tập trung vào các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật v.v..., ít khai thác các kiến thức của các khoa học về xã hội, nhân văn, các tri thức tộc người, tri thức địa phương và sự gia tăng dân số ở các khu vực miền núi.

Như chúng ta đã biết, nhân loại bước vào thế kỷ 20 mới có 1,6 tỷ người, hiện nay (1998) dân số thế giới là 6 tỷ. Còn Việt Nam chúng ta, ở đầu thế kỷ này cả nước mới có khoảng 10 triệu người mà ngày nay đã có khoảng 77 triệu, bình quân mỗi năm tăng xấp xỉ 2%, nghĩa là mỗi năm có khoảng 1,4 triệu trẻ ra đời. Sự tăng trưởng về dân số tất dẫn đến gia tăng các nhu cầu về đất, nước, lương thực, thực phẩm, nhà ở, quần áo, trường sở, thuốc men v.v...

Trong thời gian qua vẫn có sự bất đồng của các nhà chuyên môn trên thế giới xung quanh nguyên nhân của vấn đề môi trường:

- Quan điểm thống trị ở một số nước phát triển cho rằng sự tăng trưởng dân số quá nhanh ở các nước đang phát triển là nguyên nhân chính làm suy thoái môi trường toàn cầu.

- Quan điểm khác, chủ yếu ở các nước nghèo, thì lại cho rằng chính thói quen tiêu dùng quá mức và nền sản xuất công nghiệp đang gây ô nhiễm ở các nước phát triển là nguyên nhân chính của vấn đề môi trường hiện nay.

Ở nước ta trong những năm qua chúng ta tập trung sự chú ý nhiều hơn về vấn đề rừng ở miền núi. Rõ ràng mất rừng sẽ mất tất cả các tài nguyên về rừng, đồng thời ảnh hưởng đến rất nhiều vấn đề của môi trường, khí hậu, con người của nhiều vùng khác nhau trong cả nước.

Về nguyên nhân dẫn tới sự thu hẹp diện tích rừng trong vài thập kỷ qua, cũng có những ý kiến khác nhau;

+ Có quan điểm cho rằng mất rừng chủ yếu là do kết quả của việc canh tác nương rẫy của đồng bào các dân tộc miền núi.

+ Quan điểm khác, cho thấy: rừng bị suy giảm nhanh phần lớn là do khai thác bừa bãi, trong đó có yếu tố của các tổ chức Nhà nước như hoạt động thái quá hoặc bao chiếm một diện tích quá rộng của các công, nông, lâm trường xí nghiệp ở các địa phương trong một thời gian dài không được kịp thời uốn nắn, điều chỉnh. Bên cạnh đó việc xây dựng các đập thủy điện, mở mang các hầm mỏ, phát triển các đô thị cũng là những nguyên nhân đáng kể.

Người ta bàn nhiều đến phương thức canh tác “đốt rừng làm rẫy” ở miền núi nhưng lại ít ai chú ý đến nhu cầu tiêu sài, ăn uống (nghĩa là thị trường tiêu thụ) của tầng lớp khá giả thuộc cư dân miền xuôi và các đô thị. Chẳng hạn nhà cửa, giường tủ, bàn ghế v.v... phần lớn làm bằng gỗ quý, đắt tiền cũng đều là sản phẩm từ rừng; các cửa hàng ăn đặc sản ngày càng gia tăng trong đó không ít đặc sản được chuyên chở từ vùng rừng núi.

Có người cho rằng hiện nay lên các vùng núi ít được nghe tiếng thú kêu, chim hót nhưng về thành phố thì được nghe, được xem đủ các loại thú, loại chim, điều khác ở miền núi là ở các thành phố chúng được nhốt trong các chuồng, trong những chiếc lồng xinh xắn.

Về canh tác nương rẫy, theo chúng tôi là một kiểu canh tác tối ưu vừa tiết kiệm, vừa hiệu quả nhưng phải ở trong một giai đoạn lịch sử và không gian cho phép. Khi mật độ dân số còn thấp (tùy theo loại rừng, loại đất, không thể có tỷ lệ qui định chung cho mọi vùng) thì đất rẫy có điều kiện để rừng tái sinh, cho nên môi trường không bị huỷ hoại nhiều.

Song, khi mà sức ép dân số tăng lên (cả tăng tự nhiên và tăng cơ học) mật độ dân số tăng lên đến mức độ nhất định rẫy sẽ bị quay vòng quá nhanh, rừng không có thời gian, điều kiện phục hồi để trả lại màu mỡ cho đất, đất bị thoái hoá, xói mòn và đến đây canh tác nương rẫy bị coi là thủ phạm của sự phá hoại môi trường.

Mặt khác, người dân ở miền rừng núi, sống bằng canh tác nương rẫy, từ xưa đồng bào đã có truyền thống bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên xung quanh họ. Đồng bào tuy chặt cây đốt rừng nhưng vẫn có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ cây, đặc biệt là những khu rừng đầu nguồn. Những khu rừng này thường được gọi bằng những tên khác nhau như “rừng công”, “rừng thiêng”, “rừng cấm” không ai được xâm phạm. Trong các khu rừng này thường có các đền miếu, có các truyền thuyết về sự “linh thiêng”, “ứng nghiệm”, do vậy việc cấm kỵ, tôn trọng càng trở nên nghiêm ngặt và mang tính tự giác cao. Tập quán chống sát sinh, tục thả chim, thả cá, trồng cây con mỗi khi có trẻ chào đời, cấm giết động vật mang thai v.v..., rõ ràng là sự biểu hiện của ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Dưới đây xin nêu một số tập tục của một vài dân tộc có liên quan đến việc bảo vệ môi trường:

- Ở người Hmông có tục ăn ước gọi là “nào sông”. Hàng năm người dân tổ chức lễ này theo làng bản (*giao*) hoặc theo dòng họ, trong lễ đó người ta xây dựng thêm hoặc nhắc lại các qui ước về bảo vệ rừng, bảo vệ đất, nguồn nước, cây trồng và muông thú, đồng thời qui định lại các hình thức xử phạt cho phù hợp khi trong dân có người vi phạm các điều qui định đó.

- Ở người Dao có tục mỗi khi có đứa trẻ ra đời, bà con thôn bản, họ hàng đến thăm mỗi người đem một cây quế con trồng để sau này làm tài sản hoặc của hồi môn (nếu trẻ là gái) cho đứa trẻ đó.

- Ở người La Hủ, có qui định trong việc thu hái cây rừng về làm thuốc, nếu lấy cả cây, phải trồng trả cây khác, nếu lấy rễ, chỉ được tỉa không được đào hết để cây còn có điều kiện phục hồi và phát triển.

- Ở người Khơ mú có qui định rất rõ: Ai lấy cây ở các khu "rừng cấm" sẽ bị phạt tiền hoặc tịch thu sung công; nếu vi phạm "rừng ma" (nơi chôn cất người chết) sẽ bị phạt gà, rượu, gạo, trước là cúng ma sau là dân bản đến ăn uống nhắc nhở lần sau không được vi phạm (1).

- Ở người Ê đê, luật tục của dân tộc lên án gắt gao và xử phạt nặng nề đối với những người làm cháy rừng, chặt cây non... Luật qui định: "Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc người dui,... có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên người dại.

Cây le đang đâm chồi thế mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt. Nếu người ta bắt được họ, đem cho người tù trưởng nhà giàu, thì chân họ tất phải trôi lại ngay, tay của họ người ta tất phải xiềng lại ngay".

Hoặc đối với những kẻ bỏ thuốc độc, làm bẩn hoặc phá hoại nguồn nước, luật tục đã nói rõ: "Kẻ bỏ thuốc độc, trồng ngải, rắc tâm làm sập các máng nước, ở giếng làng, gây tai họa như quỷ dữ thân ác. Kẻ vô cơ đem thuốc độc đổ xuống thác nước, hoà thuốc độc vào nước suối, nước sông, bỏ thuốc độc khắp mọi nơi quanh làng,... Vì vậy hấn là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta với hấn"(2).

- Ở dân tộc Mnông, luật tục qui định khá cụ thể về bảo vệ rừng, động thực vật trong khi săn bắn, thu hái.

"Rừng là của chung

Đất là của chung

Suối nuôi cá là của chung

Cá dưới suối ai xúc cũng được

Bắt con ếch phải chừa con mẹ

Bắt con cá phải chừa con mẹ

Chặt cây tre phải chừa cây con

Đốt tổ ong phải chừa ong chúa

...

Muốn ăn ếch dùng ná mà bắn

Muốn ăn cá dùng rơm mà vớt

Không thuốc bằng thuốc độc

Ai thuốc cá có tội với làng

Tội thuốc cá không ai đền nổi”

hoặc:

“Đốn cây đùng cho ngã ngược

Chặt cây đùng cho cây đập

Chặt cây đùng cho đập cành

Chặt cây mà chặt lén buôn làng

Ăn cắp cây trong rừng có tội” (3).

Trên đây chúng tôi nêu ra một số phong tục tập quán, có nơi đã trở thành luật tục, có qui ước bằng văn bản liên quan đến việc khai thác cũng như bảo vệ môi trường của đồng bào các dân tộc sinh sống ở miền núi.

Phải nói những phong tục tập quán, những tri thức tộc người, tri thức địa phương như vậy tồn tại hàng ngàn đời nay, truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác. Song, trong những năm qua do sức ép về dân số đã làm cho dân số miền núi tăng lên với một tốc độ quá nhanh trong khi đó tài nguyên thiên nhiên không những không sinh sôi mà còn bị suy giảm nghiêm trọng, thậm chí có nơi đã kiệt quệ làm cho người dân “ăn rừng”, vốn còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên và nền kinh tế vẫn là tự cấp tự túc thì đời sống rõ ràng là cực kỳ khó khăn.

Từ chỗ mất rừng đã dẫn đến các hậu quả khác như đất bị xói mòn, rửa trôi, diện tích canh tác bị thu hẹp, thiếu nước (cả trong trồng trọt, chăn nuôi và dùng trong sinh hoạt), lũ lụt nhất là các trận lũ ống, lũ quét trọng vài năm nay thường xuyên xảy ra ở miền núi. Về mặt xã hội là tình trạng dư thừa lao động. Tuy chưa trở thành những người thất nghiệp như ở các thành phố, vì ở nông thôn miền núi nếu không có việc này thì người ta đi làm việc khác, nhưng rõ ràng là thời gian không sử dụng hết, năng suất không cao, sản phẩm thu lại không tương xứng với sức lao động, tiềm năng vốn có của con người. Chẳng hạn trong cả ngày, một người “đi làm” kiếm về được vài con cua, con ốc; hoặc dăm ba cái măng; hoặc vài chục con côn trùng; một - hai kg củ rừng v.v..., cũng gọi là một ngày lao động.

Đặc biệt nghiêm trọng là “cái khó bó cái khôn”, những tri thức tộc người, tri thức địa phương được trao truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, lưu giữ trong tâm thức của mỗi người dân miền núi hàng bao đời nay, do để tồn tại, để giải quyết cái ăn trước mắt nên đã bị mất đi rất nhanh, hay nói cách khác là buộc người ta đã phải vi phạm vào những điều cấm kỵ, xâm phạm vào cả những khu “rừng cấm”, “rừng thiêng”, “rừng ma”. Mặt khác do tác động của kinh tế thị trường người ta sẵn sàng sẵn lòng tất cả các loại thú quý hiếm, không kể mùa, kể tháng miễn là kiếm được nhiều tiền. Kể cả những loại cây đặc hữu của địa phương chưa đến tuổi khai thác cũng chặt, dẫn đem bán, thậm chí đào cả rễ, cả gốc.

Một hậu quả nữa là vấn đề xâm canh, tình trạng cư trú một nơi, phát rừng làm rẫy ở một nơi, có khi khoảng cách giữa nơi ở và nơi làm rẫy cách nhau vài ba chục km là chuyện bình thường. Xâm canh dần dần dẫn đến xâm cư rồi chuyển thành di dân tự phát (tự do), lúc đầu là di chuyển gần, di trong vùng và hiện nay xu hướng là đi xa và đi rất xa (4).

Tính chất của các cuộc di dân tự phát của đồng bào các dân tộc miền núi vẫn là từ vùng núi này đến núi khác, mục tiêu vẫn là những nơi còn rừng hoặc gần rừng, phương thức canh

tác vẫn là đốt rừng làm rẫy. Việc rời quê hương bản quán đến những nơi xa lạ mà vẫn duy trì cung cách làm ăn cũ thì rõ ràng các tri thức địa phương của mỗi tộc người, mỗi nhóm tộc người không có điều kiện áp dụng, phát huy và không có điều kiện trao truyền cho con cháu, điều mà ông cha họ hàng ngàn đời nay vẫn làm (5). Mặt khác chắc chắn sự tàn phá môi trường, tàn phá rừng sẽ nghiêm trọng hơn.

Khi đề cập đến những vấn đề như vậy, nếu không nói đến các chính sách của Nhà nước và của chính quyền địa phương các cấp sẽ là một khiếm khuyết. Do khuôn khổ một bài báo của tạp chí chuyên ngành, chúng tôi chỉ nêu lên những nét chính về các chủ trương chính sách chính có liên quan đến nội dung của bài viết này.

Nước ta là nước có nhiều thành phần dân tộc, do vậy chính sách dân tộc và miền núi được xác định là một nhiệm vụ chiến lược của Đảng ngay từ khi Đảng nói được thành lập, mục tiêu đạt tới là đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Trong hơn nửa thế kỷ qua Đảng và Nhà nước ta đã có hàng trăm chỉ thị, nghị quyết thuộc đủ các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, sức khoẻ, môi trường v.v., về dân tộc và miền núi (6). Nhờ vậy so với trước Cách mạng đời sống nhân dân các dân tộc, miền núi nói chung được nâng cao, không ngừng phát triển. Dẫu vậy so với yêu cầu, rõ ràng chúng ta còn phải phấn đấu nhiều hơn, nhất là trong tình trạng môi trường tự nhiên suy giảm, như hiện nay và tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường diễn ra trong vài năm trở lại đây.

- Chính sách di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Nhìn chung là có kết quả tốt, mở rộng diện tích canh tác ở miền núi, xây dựng được nhiều vùng kinh tế văn hoá ở miền núi, một phần nào giải quyết được sức ép dân số ở một số địa phương miền xuôi. Người dân miền xuôi lên miền núi nói chung vẫn giữ được truyền thống dân tộc trong kinh tế, xã hội và văn hoá v.v., tuy vậy không phải là không có những nơi, đồng bào từ bỏ truyền thống thâm canh ruộng nước của mình để đi phát rừng làm rẫy như người dân địa phương. Liên quan đến vấn đề này là ở khâu điều tra qui hoạch, kể cả con người và tự nhiên, còn có những bất cập.

- Chính sách định canh định cư. Phải nói rằng ở rất nhiều địa phương đồng bào thuộc diện định canh định cư đã ổn định đời sống, chuyển đổi được cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với phương thức làm ăn mới. Song cũng không phải không có những nơi, thành tích mới lại phủ định thành tích cũ. Hậu quả là số người trong diện phải tổ chức định canh định cư tính trong cả nước không giảm được bao nhiêu, thậm chí còn tăng lên nếu tính cả đội ngũ di dân tự phát, hoặc tình trạng xâm canh xâm cư như chúng tôi vừa đề cập đến ở phần trên.

- Về khoản 10, chính sách đem lại sức sống mới cho người nông dân trong cả nước và hiệu quả rất rõ ràng, nhưng đối với miền núi, nhất là những nơi chúng ta đã thực hiện việc "hạ sơn" đối với các nhóm cư dân sống ở vùng cao vùng sâu, và "xây dựng vùng kinh tế mới" cho đồng bào miền xuôi, đặc biệt ở những địa phương mà người dân tại chỗ đã có truyền thống sở hữu đất đai từ bao đời nay, thì tình hình sẽ vẫn còn phức tạp.

- Chính sách khoanh nuôi, bảo vệ rừng đầu nguồn, các chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc v.v., đã đem lại những kết quả nhất định, nhưng chắc chắn còn nhiều vấn đề và rõ ràng không được theo ý muốn. Không biết từng dự án cụ thể người ta có chú ý đến những vấn đề đời sống của người dân tại chỗ hay không? Nghĩa là những người "ăn rừng" người ta đã sống, đã ăn đã mặc và đã làm như thế nào và khi dự án thực hiện thì họ sẽ ra sao? v.v...

Về đánh giá tác động môi trường, chúng ta không phải thuộc những nước chậm trễ trong lĩnh vực này. Từ giữa những năm 80 chúng ta đã có những thông tin về đánh giá môi trường: Giới thiệu các phương pháp đánh giá tác động đến môi trường (năm 1984); Sơ bộ đánh giá tác động môi trường góp vào luận chứng kinh tế - kỹ thuật của công trình thủy điện Trị An (năm 1985); Quyết định của Hội đồng bộ trưởng về điều tra cơ bản sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (ban hành năm 1985); Hội thảo quốc tế về "Môi trường và phát triển" ở Việt Nam (năm 1990); Thủ tướng chính phủ ra chỉ thị về bảo vệ môi trường (năm 1993); Quốc hội thông qua Luật môi trường (năm 1993); Chính phủ ban hành nghị định hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường, trong đó có chương trình giáo dục đánh giá tác động môi trường (năm 1994); Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (năm 1998) và gần đây Hội nghị môi trường toàn quốc được tổ chức tại Hà Nội (trong hai ngày 5 và 6 tháng 8 năm 1998).

Chúng ta cũng đã có một số cuộc đánh giá tác động môi trường có tính chất đơn lẻ như về công trình Trị An, đường quốc lộ, Thủy điện Hoà Bình sau ngăn sông, Nhà máy giấy Bãi Bằng Phú Thọ, Thủy nông Thạch Nham Quảng Ngãi v.v... Nhưng chắc chắn chưa có cuộc đánh giá nào thật chi tiết, sâu sắc về xã hội, văn hoá, nhất là đối với đồng bào các dân tộc miền núi.

Do vậy, nhân đây chúng tôi mong muốn có sự đánh giá một cách hệ thống về môi trường miền núi trong cả nước; cần tập trung nhiều hơn vào vấn đề xã hội, văn hoá và đặc điểm tộc người.

Trong các chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc sắp tới, mỗi dự án phải có kế hoạch để làm sao vừa đảm bảo được tính đa dạng sinh học vừa đảm bảo được tính đa văn hoá đặc biệt phải chú ý đến cuộc sống (ăn, ở làm việc, đi lại) của người dân tại chỗ và bản sắc tộc người.

Rà soát lại các hoạt động của các cơ quan xí nghiệp sản xuất, kinh doanh ở miền núi để có kế hoạch, biện pháp thiết thực bảo vệ môi trường ở từng địa phương, đồng thời ở mọi cấp cũng phải có kế hoạch kiểm soát sự gia tăng dân số (cả tăng tự nhiên và tăng cơ học).

CHÚ THÍCH

1. Khổng Diễn (chủ biên) *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
2. *Luật tục Ê đê (tập quán pháp)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
3. Viện Văn hoá dân gian, *Luật tục Mông (tập quán pháp)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. Khổng Diễn, *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
5. Khổng Diễn, *Tác động của môi trường (rừng) đến đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi*, báo cáo tại Hội nghị môi trường toàn quốc, Hà Nội tháng 8, 1998.
6. *Chính sách và chế độ pháp lý đối với đồng bào dân tộc và miền núi*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.